

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số: 256/TTr-SKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2022; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 153/BC-STP ngày 24 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; Quỹ xã hội; Quỹ từ thiện; Doanh nghiệp xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phổ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Ngoại giao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Vụ Pháp chế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PT-TH Quảng Ngãi;
- Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ
phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

*(Kèm theo Quyết định số: 37.../2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Khoản viện trợ thuộc phạm vi của Quy chế này là hỗ trợ tài chính hoặc hàng hóa và dịch vụ không phải hoàn lại mà Bên cung cấp viện trợ dành cho Bên tiếp nhận viện trợ để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo, không nhằm mục đích thương mại, lợi nhuận.

3. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài;

b) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

c) Các doanh nghiệp, công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư;

d) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài);

đ) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động;

b) Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam về hội, tổ chức khoa học và công nghệ, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

c) Doanh nghiệp xã hội tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường;

d) Các đối tượng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

UBND tỉnh Quảng Ngãi thống nhất quản lý nhà nước về sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch, phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo an ninh chính trị của tỉnh, của đất nước và chủ quyền quốc gia.

Việc quản lý và sử dụng khoản viện trợ tuân thủ theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP).

Điều 4. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

Các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 5. Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

1. Lập hồ sơ khoản viện trợ

a) Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Kết cấu văn kiện chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

b) Trường hợp dự án viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công: Hồ sơ bao gồm thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và thành phần hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

c) Trường hợp dự án viện trợ có cấu phần xây dựng: Hồ sơ bao gồm thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và thành phần hồ sơ theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thẩm định khoản viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định đối với khoản viện trợ do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ khác không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tham gia ý kiến khi có yêu cầu của người đứng đầu cơ quan chủ quản. Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

b) Trình tự, thủ tục thẩm định theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Phê duyệt khoản viện trợ

Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện của chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở quyết định phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý chương trình, dự án và thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án thì Ban Quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ và thực hiện các nhiệm vụ trong khuôn khổ dự án theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thì thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Đối với dự án có cấu phần xây dựng thì việc thực hiện quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng và chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định về pháp luật xây dựng liên quan.

6. Sau khi kết thúc khoản viện trợ, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ để theo dõi, tổng hợp.

Điều 7. Quản lý tài chính

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ và mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định pháp luật có liên quan và tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền.

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định pháp luật về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo quy định từ khoản 2 đến khoản 8, Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán đối với khoản viện trợ thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức, hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 9, Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Quản lý vốn đối ứng

a) Các chương trình, dự án được bố trí vốn đối ứng: Đối với dự án viện trợ mà Bên cung cấp viện trợ có yêu cầu bố trí vốn đối ứng, Bên tiếp nhận viện trợ đề xuất cụ thể nguồn vốn đối ứng trong hồ sơ dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh phê duyệt chương trình, dự án có quy định cụ thể về bố trí vốn đối ứng hoặc có văn bản đồng ý bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án khác do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nguồn vốn đối ứng: Ngân sách nhà nước (Ngân sách tỉnh/ngân sách huyện, thị xã, thành phố) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Đối với khoản viện trợ mà bên tiếp nhận là cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động thì chủ khoản viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị khoản viện trợ, gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương): thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

c) Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

6. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, 25, 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành và cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn bên tiếp nhận lập hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định văn kiện, chương trình, dự án, khoản viện trợ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định khả năng đóng góp và cân đối bố trí vốn đầu tư công trong trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách tỉnh cho các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công đã được phê duyệt theo quy định pháp luật về đầu tư công.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và các ngành liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình tiếp nhận và thực hiện các chương trình, dự án viện trợ, khoản viện trợ phi dự án trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổng hợp đánh giá tình hình viện trợ, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định khả năng đóng góp vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách tỉnh, chi thường xuyên của đơn vị tiếp nhận tài trợ); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án.

b) Thẩm định quyết toán thu, chi nguồn vốn viện trợ hằng năm của ngân sách cấp tỉnh.

c) Thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Sở Ngoại vụ

a) Trên cơ sở các lĩnh vực, mục tiêu, chương trình, hoạt động tài trợ của các cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự nước ngoài, tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các đối tác có yếu tố nước ngoài và nhu cầu, mục tiêu, định hướng, chiến lược vận động viện trợ nước ngoài của tỉnh, Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong công tác vận động, kêu gọi và tranh thủ các nguồn viện trợ của các cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự nước ngoài, các cơ quan và tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức phi lợi nhuận và các đối tác có yếu tố nước ngoài.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định tư cách pháp nhân của Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, phối hợp thẩm định năng lực của Bên cung cấp viện trợ và các nhà tài trợ khác theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan hướng dẫn, hỗ trợ Bên tiếp nhận viện trợ tổ chức xây dựng, đàm phán, ký kết với Bên cung cấp viện trợ về văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ; văn kiện chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ; văn kiện phi dự án sử dụng vốn viện trợ.

4. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ và các đối tượng khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt; thẩm định tư cách pháp nhân của

Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp Bên tiếp nhận (hoặc chủ khoản viện trợ) là doanh nghiệp xã hội tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường và các đối tượng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hiệu quả, tác động về an ninh, trật tự xã hội sau khi kết thúc.

b) Quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ theo đúng các quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

c) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh trật tự về lĩnh vực viện trợ; tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

5. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ khoản viện trợ đối với các nội dung về lĩnh vực chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

c) Tổng hợp hằng năm về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện; báo cáo định kỳ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

6. Sở Xây dựng

Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định.

7. Sở Giao thông vận tải

Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

9. Sở Công Thương

Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp, thương mại, năng lượng.

10. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi

Chủ trì, hướng dẫn, kiểm soát chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

11. Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh

a) Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và các cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh phối hợp trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; tham gia ý kiến trong quá trình thẩm định, phê duyệt các khoản viện trợ về lĩnh vực chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

b) Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ theo đúng các quy định về quản lý viện trợ của Chính phủ và của tỉnh.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng viện trợ theo đúng các quy định về quản lý viện trợ của Chính phủ và của tỉnh. Phối hợp với cơ quan liên quan tạo điều kiện cho bên cung cấp viện trợ, bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập chương trình, dự án viện trợ triển khai trên địa bàn.

b) Giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch là đầu mối trong việc quản lý sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố với nhiệm vụ tham mưu ý kiến trong việc khảo sát, lập, thẩm định, tổng hợp các khoản vốn đối ứng, theo dõi và báo cáo tình hình tiếp nhận các khoản viện trợ trên địa bàn.

13. Chủ khoản viện trợ

Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

1. Chế độ báo cáo về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ, ngành Trung ương về tình hình tiếp nhận, giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và chủ khoản viện trợ báo cáo về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Chế độ báo cáo về kết quả vận động viện trợ; tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý

a) Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo tổng hợp về kết quả vận động viện trợ, công tác quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý theo định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất.

b) Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về kết quả vận động viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức và cá nhân nước ngoài khác theo định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thực hiện; chủ trì tổ chức kiểm tra giám sát dự án viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công theo quy định.

b) Sở Tài chính tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương.

c) Công an tỉnh tổ chức giám sát thực hiện hoạt động viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh ngay từ bước đầu triển khai khoản viện trợ; tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ hằng năm; chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ. Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

d) Sở Ngoại vụ tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và theo đúng hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra giám sát đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ hằng năm theo quy định. Việc xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hằng năm đảm bảo không trùng dự án viện trợ (khoản viện trợ), nội dung kiểm tra giữa các cơ quan trong năm; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý những vấn đề liên quan theo thẩm quyền (nếu có). Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
